

Bản án số: 88/2020/DS-PT
Ngày 20-4-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn C, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Văn C, sinh năm: 1958;

2. Ông Đỗ Văn M1, sinh năm: 1989;

3. Ông Đỗ Văn M2, sinh năm: 1993;

4. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1970;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Võ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Văn C trình bày:

Vào giữa tháng 7 năm 2011 ông C có gọi xe xúc đất (xe Kobe) để xúc đất ruộng lấp vào bờ ranh giữa đất của ông đang sử dụng gồm các thửa số 1054 và 1055, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh Long An với thửa đất số 1056 thuộc quyền sử dụng của bà L với chiều ngang khoảng 2,5m; lề 0,5m, tổng cộng là 3m để làm đường đi bao lửng và thuận tiện cho việc lấy nước ra. Tuy nhiên qua nhiều năm sử dụng, mỗi năm bà L và anh M1 là con của bà L cũng lấy cuốc, vá (dụng cụ làm đất) san đất ra nhằm lấn đất của ông với chiều ngang 2m, chiều dài là 150m, và quá bức xúc nên ông lấp luôn đi bao lửng thì bà L và gia đình bà L đã vào nhà ông C gây gỗ và dọa hành hung ông C và gia đình của ông C.

Do đó, ông C khởi kiện bà Võ Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm với diện tích chiều ngang 2m, chiều dài 150m.

Bị đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C vì phần đất của bà và ông C trước đây đã có bờ ranh lớn khoảng 3m là bờ chung cùng nhau sử dụng, nhưng ông C tự ý kêu xe Kobe ban bờ chung xuống ruộng của ông C chứ bà không có lấn đất của ông C và bà yêu cầu ông C phải trả lại nguyên hiện trạng ban đầu bờ ranh đất giữa thửa đất số 1056 của bà L với các thửa đất số 1054 và 1055 của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ngọc T thống nhất với ý kiến của nguyên đơn ông Ngô Văn C.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Văn M1 và ông Đỗ Văn M2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tại phiên tòa nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 74/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M căn cứ vào khoản 3 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 165, 166, 185, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13; các Điều 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 155, 163, 164 và 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị L và ông Đỗ Văn M1 phải trả lại cho ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Ngọc T phần đất khu B: 234,2m² và khu E: 326,8m² thuộc một phần các thửa 1055 và 1054, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh Long An.

Buộc ông Ngô Văn C, bà Nguyễn Ngọc T trả lại phần đất khu G: 211,1m² thuộc thửa 1056, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện M, tỉnh Long An,

(Theo mảnh trích đo địa chính số 07-2018 ngày 29/01/2018 của Công ty TNHH Đo Đạc Nhà Đất Hưng Phú).

2. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét và thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn bà Võ Thị L và ông Đỗ Văn C phải chịu một phần chi phí đo đạc, định giá, xem xét và thẩm định tại chỗ đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do ông C đã nộp toàn bộ tạm ứng chi phí đo đạc, định giá, xem xét và thẩm định tại chỗ tài sản là 10.800.000 đồng. Do đó buộc bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông C số tiền là 7.846.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 158.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp là 1.155.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0003083 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Long An. Hoàn trả cho ông Ngô Văn C số tiền chênh lệch là 996.500 đồng.

Buộc bà Võ Thị L và ông Đỗ Văn C có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 420.500 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 11 năm 2019 bị đơn bà Võ Thị L làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn ông Ngô Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày cho rằng người trực tiếp sử dụng thửa đất số 1056 của bà L từ trước cho đến nay là ông Đỗ Văn M3 con của bà L, không phải là ông Đỗ Văn M1. Bị đơn bà Võ Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu ông C trả lại toàn bộ bờ đi; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M1 trình bày cho rằng ông M1 không sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M1 liên đới trả đất cho ông C nên ông M1 không đồng ý nhưng ông M1 không kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự, nhầm lẫn trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự khi xác định ông Đỗ Văn M1 sinh năm 1989 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong khi đó ông Đỗ Văn M3 mới là người trực tiếp sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị L được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông C là nguyên đơn, bà T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do bà T không có đơn khởi kiện không nộp tạm ứng án phí, tuy nhiên trong phần quyết định lại buộc bà L và ông M1 phải trả đất cho cả bà T là không đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập lời khai, không tiến hành hòa giải, không thông báo tư cách tham gia tố tụng của họ, những người này không khiếu nại về tư cách tố tụng của họ nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều trình bày thừa nhận người đang trực tiếp sử dụng đất là ông Đỗ Văn M3, sinh năm 1984 con của bà L không phải là Đỗ Văn M1 sinh năm 1989. Ông M3 cũng đã ký nhận các văn bản tố tụng như biên bản giao nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (BL 45), ký nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thay cho bà L (BL 107), theo xác nhận của Phó Trưởng ấp G, xã B ông Lê Văn L đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 01 năm 2018 thì người chứng kiến việc xem xét thẩm định tại chỗ là ông Đỗ Văn M3 (BL 73), tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông M3 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông M1 liên đới cùng bà L trả quyền sử dụng đất làm cho bản án không thể thi hành trong khi ông M1 không trực tiếp canh tác đất.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Ngô Văn C khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Võ Thị L, diện tích đất tranh chấp giữa các thửa đất số 1054 và 1055 của ông Ngô Văn C bà Nguyễn Ngọc T với thửa đất số 1056 của bà Võ Thị L. Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông C yêu cầu bà L trả lại diện tích 2mx150m, trong biên bản hòa giải ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã B, biên bản hòa giải ngày 17 tháng 4 năm 2018 thì ông C yêu cầu xác định ranh giới đất tranh chấp chứ hoàn toàn không xác định diện tích đất tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào ranh giới quyền sử dụng đất theo ranh bản đồ để làm cơ sở giải quyết vụ án, xác định phần đất tranh chấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó ông C bà T được sử dụng vị trí E và B diện tích 561m², bà L được sử dụng đất vị trí G diện tích 211,1m² theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 07-2018 nên bà L đã kháng cáo. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ về quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên đương sự có đúng pháp luật về đất đai hay không, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào ranh bản đồ để xác định ranh giữa các bên làm căn cứ giải quyết vụ án là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ.

[4] Từ những nhận định trên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm được quyết định lại khi vụ án được xét xử lại. Do bản án bị hủy nên bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm 74/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M;

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện M giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm: Bà L không phải chịu. Hoàn trả cho bà L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003000 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm Phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trịnh Thị Phúc – Phùng Thị Cẩm Hồng

Lê Thị Kim Nga